

Số: /2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 499/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: 15/3 ấp TQ, xã TPú, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình H, sinh năm 1973; Địa chỉ: xx khu phố PT, phường PT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Minh Hạ T, sinh năm 1979; Địa chỉ: xx khu phố x, phường AH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Địa chỉ: xx, khu phố xx, phường PK, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1962; Địa chỉ: xx, khu phố x, phường PK, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trịnh Minh Hạ T có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn C số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bao gồm 300.000.000 đồng nhận đặt cọc và 50.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hủy "Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 12/02/2022 đặt cọc chuyển nhượng một phần thửa đất số 79 (lô 4) tờ bản đồ số 9 diện tích 89,6m² tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long) giữa bên đặt cọc Huỳnh Trọng N với bên nhận đặt cọc Trịnh Minh Hạ T.

Hủy "Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 08/4/2020 đặt cọc chuyển nhượng một phần thửa đất số 79 (lô 4) tờ bản đồ số 9 diện tích 89,6m² tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long) giữa bên đặt cọc Đỗ Văn C với bên nhận đặt cọc Trịnh Minh Hạ T.

Liên quan đến hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là một phần thửa đất số 79 (lô 4) tờ bản đồ số 9 diện tích 89,6m² tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long) thì ông Trịnh Minh Hạ T không còn nghĩa vụ giao đất hay trả tiền gì khác ngoài khoản tiền đã thỏa thuận như trên cho ông Đỗ Văn C và ông Huỳnh Trọng N.

Liên quan đến hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là một phần thửa đất số 79 (lô 4) tờ bản đồ số 9 diện tích 89,6m² tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long) thì ông Đỗ Văn C không còn nghĩa vụ giao đất hay trả tiền gì cho ông Huỳnh Trọng N.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 150.000 đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 12/02/2022 ông Huỳnh Trọng N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 13.133.000 đồng đã nhận theo biên lai thu tạm ứng án phí ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N còn được nhận lại 12.983.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 150.000 đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/4/2020, ông Trịnh Minh Hạ T tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền này.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 8.750.000 đồng ông Trịnh Minh Hạ T tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5, Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lăng